

Số: 1961/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch Khuyến nông tỉnh năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông năm 2021 - 2023;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3372/TTr-SNNPTNT ngày 26/10/2021, ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3226/STC-HCSN&DN ngày 19/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch Khuyến nông tỉnh năm 2022, với những nội dung sau:

- 1. Tên kế hoạch:** Kế hoạch Khuyến nông tỉnh năm 2022.
- 2. Cơ quan chủ quản:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- 3. Cơ quan thực hiện:** Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi.
- 4. Địa điểm, thời gian thực hiện:**
 - a) Địa điểm: 13 huyện/thị xã/thành phố trong tỉnh.
 - b) Thời gian: Năm 2022.
- 5. Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện:**
 - a) Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện/thị xã/thành phố.
 - b) Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.
- 6. Nội dung, quy mô và địa điểm thực hiện:**

T T	Danh mục mô hình	ĐVT	Quy mô	Địa điểm
A	Mô hình trình diễn kỹ thuật			
I	Ngành trồng trọt			
1	Sản xuất rau an toàn (dưa leo, khổ qua)	ha	1	Vùng đồng bằng
2	Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa (Miền núi)	ha	6	Huyện miền núi
3	Sản xuất giống lúa chất lượng liên kết tiêu thụ sản phẩm	ha	20	Huyện đồng bằng
II	Ngành chăn nuôi			
1	Chăn nuôi bò thịt năng suất, chất lượng cao	con	60	Vùng đồng bằng
2	Chăn nuôi gà thả vườn theo quy trình VietGAHP gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị	con	3.000	Vùng đồng bằng
III	Ngành lâm sinh			
1	Chăm sóc năm 1 rừng trồng thay thế một số giống keo nuôi cây mô mới trong mô hình kinh doanh cây gỗ lớn	ha	20	Huyện Ba Tơ, Trà Bồng
2	Mô hình cải tạo vườn rừng theo hướng chuyên canh	ha	35	Huyện miền núi
IV	Ngành thủy sản			
1	Nuôi tôm càng xanh thương phẩm trong ao	m ²	4.000	Huyện đồng bằng, Tp Quảng Ngãi
2	Nuôi cá lăng nha trong lồng trên các lồng hồ chứa thủy lợi, thủy điện	m ³	400	Huyện miền núi
3	Nuôi cá chình thương phẩm trong bể xi măng bằng nguồn giống đã qua ương	m ²	60	Huyện miền núi
4	Nuôi cá mú trên châu thương phẩm trong ao	m ²	2.300	Xã ven biển
5	Nuôi cá bớp thương phẩm bằng lồng nhựa HDPE	m ³	400	Huyện Lý Sơn
V	Ngành nghề nông thôn			
1	Xây dựng hầm biogas composite	Hầm	6	Huyện miền núi
2	Máy cuốn rơm rạ	Máy	4	Huyện đồng bằng
B	Đào tạo, tham quan, thông tin...			
1	Bản tin thông tin nông nghiệp và PTNT	Tập	4.000	Phát hành trong tỉnh và ngoài tỉnh
2	Tập huấn	Lớp	2	Tại trung tâm
3	Duy trì vận hành hệ thống thông tin quản lý các chương trình dự án khuyến nông khuyến lâm	Điểm	1	Tại thành phố Quảng Ngãi

4	Hội thảo	Hội thảo	12	Tại Quảng Ngãi và một số huyện
5	Lịch khuyến nông	Tập	1.620	Trên địa bàn tỉnh và ngoài tỉnh

7. Dự toán kinh phí và nguồn vốn:

a) Tổng kinh phí: **8.915.529.000 đồng**

b) Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách tỉnh cấp năm 2022: 3.476.785.000 đồng

- Vốn dân đầu tư: 5.438.744.000 đồng

(Chi tiết theo dự toán do Sở Tài chính thẩm tra tại Công văn số 3226/STC-HCSN&DN ngày 19/10/2021)

8. Phương thức đầu tư:

a) Vốn ngân sách tỉnh cấp: Đầu tư hỗ trợ không thu hồi (*giống, các chi phí triển khai, thông tin tuyên truyền và một phần vật tư thiết yếu*) để xây dựng mô hình và đào tạo, tham quan, thông tin....*(nội dung và mức chi theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông và các văn bản hướng dẫn hiện hành để thực hiện các mô hình theo kế hoạch được duyệt)*.

b) Vốn dân đầu tư: Nông dân đóng góp thêm bằng tiền, hiện vật, công lao động để thực hiện mô hình và hưởng lợi từ sản phẩm làm ra.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra Trung tâm Khuyến nông tỉnh:

- Căn cứ Kế hoạch Khuyến nông tỉnh năm 2022 được phê duyệt và nhu cầu thực tiễn sản xuất của địa phương để phân bổ, tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao nhất cả về số lượng và chất lượng.

- Giống, vật tư kỹ thuật phục vụ cho mô hình phải có trong danh mục được phép sản xuất; đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định và đầy đủ các thủ tục cần thiết khác có liên quan trong quá trình triển khai mô hình.

- Tạm ứng kinh phí, cấp phát vật tư và hướng dẫn đầy đủ thủ tục thanh quyết toán *(theo hướng tinh giảm, gọn nhẹ, đúng quy định hiện hành của Nhà nước)* cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện mô hình đúng tiến độ theo kế hoạch được phê duyệt.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có sự thay đổi về nội dung kế hoạch *(quy mô, địa điểm hoặc chuyển đổi mô hình, tăng giảm kinh phí thực hiện từng mô hình)* cho phù hợp với thực tế ở các địa phương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được phép điều chỉnh nội dung và kinh phí thực hiện giữa các mô hình nhưng phải đảm bảo không vượt định mức

chi, kinh phí đã được phê duyệt; đồng thời báo cáo UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

3. Sở Tài chính: Trên cơ sở nguồn kinh phí ngân sách tỉnh cấp cho hoạt động khuyến nông năm 2022, theo dõi cấp phát kinh phí theo tiến độ sử dụng vốn theo Kế hoạch Khuyến nông tỉnh năm 2022 được phê duyệt.

4. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Chịu trách nhiệm chỉ đạo các Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh triển khai hoàn thành các mô hình khuyến nông trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTNph505.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Phước Hiền